

Số: 74<sup>c</sup> /KH-MNPT

Phạm Trần, ngày 15 tháng 9 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### V/v thực hiện các khoản thu góp, ủng hộ năm học 2023 - 2024

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ GD&ĐT, Thông tư ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 08 năm 2018 của Bộ GD&ĐT quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND Hải Dương, ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Công văn số 1569/SGDĐT-KHTC ngày 08/09/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương về việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ trong nhà trường năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 966/SGDĐT-KHTC ngày 13/8/2018 của Sở GD&ĐT tỉnh Hải Dương hướng dẫn việc miễn giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; quản lý, sử dụng học phí và các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Trường Mầm non Phạm Trần lập kế hoạch thực hiện các khoản thu năm học 2023 - 2024 như sau:

#### I. Mục đích, yêu cầu

##### 1. Mục đích

Thực hiện quản lý thu, chi các khoản trong năm học đúng mục đích, sát thực tế, phù hợp với điều kiện của địa phương, được sự đồng thuận ủng hộ từ PHHS;

Tăng cường cơ sở vật chất cho nhà trường và hỗ trợ các hoạt động phục vụ cho công tác dạy học, giáo dục HS; từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu dạy-học của thầy và trò;

Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên trong thực hiện nhiệm vụ.

## 2. Yêu cầu

Bám sát văn bản chỉ đạo của các cấp quản lý;  
Phù hợp với yêu cầu của nhà trường nhằm phục vụ công tác giáo dục HS;  
Sử dụng đúng mục đích, đúng kế hoạch, tiết kiệm, thu đủ chi;  
Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, được sự ủng hộ nhất trí của 100% phụ huynh toàn trường.

Công khai, dân chủ, minh bạch, đảm bảo hiệu quả công việc.

**II. Đối tượng được hưởng:** Học sinh đang học tập trực tiếp tại nhà trường.

### III. Hình thức thu

#### 1. Thu theo quy định

Thu học phí: Tạm thời thu theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh Hải Dương:

- Nhà trẻ: 125.000đ/tháng/trẻ

- Mẫu giáo: 105.000đ/tháng/trẻ

Đối tượng học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, học sinh khuyết tật được cấp bù, miễn giảm học phí theo quy định hiện hành

#### 2. Các khoản thu dịch vụ:

##### 2.1. Tiền sinh hoạt phục vụ trẻ bán trú tại trường

2.1.1 Tiền ăn của trẻ:

Mức ăn: 18.000đ/ngày/trẻ

Căn cứ vào sổ cháu ra lớp trong ngày nhà trường có thực đơn hàng ngày kèm theo và ăn hết tiêu chuẩn như đã thỏa thuận với PHHS

2.1.2 Phụ phí: Số học sinh dự kiến: 320 học sinh

a) Tiền gas:

Dự kiến:

Trung bình 1 tháng dùng hết 5 bình loại 45kg;

Giá tiền 1 bình: 1.280.000 đồng (giá có thể tăng hoặc giảm theo thị trường)

Số tiền cần mua 5 bình :  $1.280.000 \times 5 = 6.400.000$  đồng

Số tiền 1 HS cần nộp trong tháng:  $6.400.000 : 320 = 20.000$  đồng

**2.1.3 Tiền chăm sóc, phục vụ bán trú: (trả công nấu ăn, GV trông trưa, quản lý)**

<b>1</b>	<b>Tiền chăm sóc, phục vụ bán trú</b>	
<b>1.1</b>	<b>Phần chi</b>	
<b>1.1.1</b>	<b>Chi tiền công GV trông trưa</b>	<b>26.158.000</b>
	Số GV tham gia trông trưa: 29 giáo viên	29
	Tiền công GV trông trưa/tháng: 41,000 đồng/ngày x 22 ngày	902.000
<b>1.1.2</b>	<b>Chi trả công người nấu ăn: 2 người x 6,000.000 đồng</b>	<b>12.000.000</b>
<b>1.1.3</b>	<b>Chi công tác quản lý, CSVC</b>	<b>9.850.000</b>

	<i>Hiệu trưởng 4% ( 1 người *1,990,000 đồng/ tháng)</i>	1.990.000
	<i>PHT + Kế toán 3 % ( 2 người * 1,480,000 đồng/ tháng)</i>	2.960.000
	<i>Thu kho: 0,5%</i>	340.000
	<i>Cơ sở vật chất, điện, nước: 9,5%</i>	4.560.000
<b>1.1.4</b>	<b>Tổng phải chi</b>	<b>48.008.000</b>
<b>1.2</b>	<b>Phần thu</b>	
<b>1.2.1</b>	<b>Số tiền thu/tháng/trẻ: Số phải chi/tổng số trẻ</b>	<b>150.025</b>
<b>1.2.2</b>	<b>Số phải thu: Số tiền/tháng/trẻ x tổng số trẻ</b>	<b>48.008.000</b>

Làm tròn: 150.000 đồng/1 trẻ/tháng

#### 2.1.4 Tiền đồ dùng phục vụ bán trú

<b>Nội dung chi</b>	<b>Số tiền</b>
Khăn mặt vuông ký hiệu (320 cái x 9.000đ)	2.880.000
Khăn lau tay có quai treo (30 cái x 18.000đ)	540.000
Chiếu nhựa (20 cái x 125.000đ)	2.500.000
Thảm lau chân nilon (30 cái x 63,000đ)	1.890.000
Bát Inox 2 lớp đựng canh. Loại 20cm (2 cái x 70,000đ)	140.000
Bát Inox 2 lớp đựng canh. Loại 18cm (2 cái x 68,000đ)	136.000
Bát inox (10 hộp x 165,000đ)	1.650.000
Thìa ăn cơm Inox (100 cái x 8,500đ)	850.000
Muôi nhựa (10 cái x 12.000đ)	120.000
Ca inox 7 Sải Gòn (15 cái x 33,000)	495.000
Ấu lưu mẫu (7 cái x 45,000)	315.000
Lưới rửa bát (03 bó x 110.000đ)	330.000
Cọ xoong ( 01 túi x 115,000đ)	115.000
Đĩa nhựa trắng để khăn ( 30 cái x 8,500)	255.000
Rổ nhựa tròn trung (5 cái x 90.000đ)	450.000
Thau nhựa Việt Nhật (6 cái x 60,000đ)	360.000
Xô nhựa 22L ( 7 cái x 76,000đ)	532.000
Xô nhựa 14L ( 5 cái x 68,000đ)	340.000
Dao thái nhỡ (4 cái x 50.000đ)	200.000
Gang tay cao su ( 35 đôi x 42,000đ)	1.470.000
Gang tay nilong (2kg x 86.000đ)	172.000
Gáo inox ( 2 cái x 70,000đ)	140.000
Nạo (10 cái x 12.000đ)	120.000

<b>Tổng cộng</b>	<b>16.000.000</b>
------------------	-------------------

Số tiền phải thu/trẻ/năm học:  $16.000.000 : 320 \text{ trẻ} = 50.000 \text{ đồng}$

## **2.2. Tiền đồ dùng học tập cho trẻ: (theo năm học)**

2.2.1. Dự kiến mua sách vở, đồ dùng đồ chơi:

- Khối nhà trẻ: 10.000.000 đồng
- Khối 3+ 4 tuổi: 42.500.000 đồng
- Khối 5 tuổi: 27.000.000 đồng

2.2.2. Số tiền thu của trẻ:

- Khối nhà trẻ:  $10.000.000 \text{ đồng} / 50 \text{ trẻ} = 200.000 \text{ đồng/trẻ/năm học}$
- Khối 3 + 4 tuổi:  $42.500.000 \text{ đồng} / 170 \text{ trẻ} = 250.000 \text{ đồng/trẻ/năm học}$
- Khối 5 tuổi:  $27.000.000 \text{ đồng} / 90 \text{ trẻ} = 300.000 \text{ đồng/trẻ/năm học}$

## **2.3. Tiền nước uống tinh khiết:**

Dự kiến:

Trung bình 1 tháng dùng hết 150 bình loại 20L;

Giá tiền 1 bình: 15.000 đồng

Số tiền cần mua 150 bình :  $15.000 \times 150 = 2.250.000 \text{ đồng}$

Số tiền 1 HS cần nộp trong tháng:  $2.250.000 : 320 = 7.031 \text{ đồng}$

Làm tròn: 7.000 đồng

## **2.4. Tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh:**

Nội dung chi	Số tiền
Tẩy vệ sinh: 107 chai x 45.000đ/chai	4.815.000
Giấy vệ sinh: 160 bịch x 52,000đ/bịch	8.320.000
Chổi quét: 30 cái x 35.000đ/cái	1.050.000
Chổi lau nhà: 30 cái x 85.000đ/cái	2.550.000
Nước rửa bát: 28 can x 130.000đ/can	3.640.000
Xà phòng: 30 gói x 35.000đ/gói	1.050.000
Nước rửa tay: 60 lọ x 50.000đ/lọ	3.000.000
Gầu hút rác: 15 cái x 33.000đ/cái	495.000
Cọ nhà vệ sinh: 10 cái x 19.000đ/cái	190.000
Chổi cước nhựa: 30 cái x 40.000đ/cái	1.200.000

Nước lau sàn: 60 can x 130,000đ/can	7.800.000
Bô vệ sinh nhựa 5 cái x 18,000đ/cái	90.000
Tiền lao công dọn vệ sinh, đổ rác: 1,000,000đ/tháng x 1 người x 9 tháng	9.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>43.200.000</b>

Số tiền phải thu/trả/tháng:  $43.200.000 : 320 \text{ trẻ} : 9 \text{ tháng} = 15.000 \text{ đồng}$

### 2.5. Tiền điện điều hòa:

Thu theo số điện tiêu thụ tại công tơ điện của lớp đó.

### 2.6. Tiền làm thứ 7:

<b>A</b>	<b>Kinh phí trông thứ Bảy (Thu theo tháng): 150 cháu, 20 GVNV</b>	
<b>1</b>	<b>Phần chi</b>	<b>12.360.000</b>
1,1	Chi tiền công GV, NV	12.360.000
	Số GVNV tham gia trông thứ Bảy	20
	Tiền công GV làm thứ 7/tháng: 206.000 đồng/ngày x 3 ngày x 20 GV	618.000
<b>2</b>	<b>Chi công tác quản lý, CSVC, điện nước</b>	<b>3.086.000</b>
	Chi công tác quản lý: 10,5% ( HT 4%, HP 3%, KT 3%, Thủ kho 0,5%)	1.620.000
	Chi cơ sở vật chất, điện, nước 9,5%	1.466.000
<b>3</b>	<b>Thuế 2%</b>	<b>308.920</b>
	<b>Tổng chi</b>	<b>15.754.920</b>
<b>II</b>	<b>Phần thu</b>	<b>15.754.920</b>
<b>2.1</b>	<b>Số tiền/ngày/trẻ: Số phải chi/tổng số trẻ</b>	<b>35.011</b>

Số tiền phải thu/trả/tháng/ngày:  $15.754.920 : 150 \text{ trẻ} : 3 \text{ ngày/tháng} = 35.011 \text{ đồng/ngày}$ . Làm tròn 35.000đ/ngày/trẻ. Trên đây là phương án dự kiến chi thứ 7, Chờ hướng dẫn của phòng Giáo dục về mức chi. Sau khi được phê duyệt nhà trường sẽ thực hiện theo phê duyệt của Phòng Giáo dục.

### 3. Các khoản thu hộ

#### 3.1. Bảo hiểm thân thể học sinh:

- Mức thu là 200.000 đ/1HS/năm (theo mức giá của Công ty Bảo hiểm Bảo Việt– Hải Dương).

- Chuyển nộp đủ về công ty.

( HSKT, HS mồ côi, HS hộ nghèo, HS hộ cận nghèo được Công ty hỗ trợ)

#### 3.2. Quỹ hoạt động Ban Đại diện Cha mẹ học sinh

\* Mức thu: Cha mẹ học sinh tự nguyện ủng hộ

Trích 70% cho hoạt động của Ban ĐD CMHS của trường, 30% chi hoạt động của Ban Đại diện CMHS của lớp. .

\* Chi: Việc chi thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS. Phần chi của CMHS của lớp do Ban đại diện CMHS lớp quyết định.

- Dự kiến số tiền cần huy động năm học 2023 - 2024 : 32.000.000 đồng.
- + Trích 70% cho hoạt động của Ban ĐDCMHS trường: 22.400.000 đồng
- + 30% chi hoạt động của Ban Đại diện CMHS lớp: 11.460.000 đồng

#### **4. Đối với việc huy động nguồn đóng góp tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân để tăng cường cơ sở vật chất trường học.**

Hình thức tài trợ: Bằng tiền hoặc hiện vật. Nhà trường tiếp nhận các nguồn tài trợ viện trợ phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục nhu cầu: lắp hệ thống điện các lớp và lắp điều hòa 15 phòng học dự kiến 331.950.000 đồng và đã được phòng giáo dục phê duyệt theo công văn số 126/CV-PGD ngày 08/06/2023.

#### **IV. Tổ chức thực hiện**

Thông qua cuộc họp lãnh đạo, Hội đồng trường, Họp CB, GV, NV đầu năm học 2023 - 2024.

Thông nhất các khoản thu với Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh toàn trường trong cuộc họp Ban đại diện hội cha mẹ học sinh đầu năm học.

Lập kế hoạch và dự trù kinh phí các khoản thu góp và ủng hộ năm học 2023-2024.

Niêm yết công khai kế hoạch thu góp đầu năm học 2023-2024.

Triển khai đến toàn thể phụ huynh học sinh trong trường.

Báo cáo UBND xã Phạm Trấn

BGH Nhà trường, các bộ phận, cá nhân được phân công cùng phối hợp thực hiện theo đúng kế hoạch.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT huyện; \ (Để BC)
- UBND xã;
- Ban đại diện Hội CMHS (Để phối hợp thực hiện);
- CBGVNV nhà trường;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Anh**